TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 229/2021/DS-PT Ngày: 11- 11- 2021 V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và đòi lại tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Liễu Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Trung Hiếu- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 249/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà **Mai Thị Ngọc D**, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Bà **Huỳnh Thị Thúy V**, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: tổ 1, ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Tiền Giang.

4.Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn Trần Thị T trình bày:

Ngày 06/8/2018 (25/6/2018 âm lịch) bà có mở hai dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần. Dây 1 gồm có 29 phần, dây 2 gồm 30 phần. Hụi có lời và có tiền đầu thảo cho chủ hụi 250.000 đồng/tháng. Bà L tham gia 05 phần (02 phần ở dây hụi 29 phần và 03 phần dây hụi 30 phần). Đến khi giao hụi do bà vô ý không kiểm tra sổ sách nên đã giao nhầm tiền hụi cho bà L tới 07 phần (03 phần ở dây hụi 29 phần và 04 phần ở dây hụi 30 phần), cụ thể như sau:

Dây 1: 29 phần

- Giao lần 1: Mở hụi ngày 25/9/2019 âm lịch; Giao tiền ngày 28/10/2019 âm lịch; Số tiền giao 25.150.000 đồng; Biên nhận ký hiệu ghi trong sổ là 27.

- Giao lần 2: Mở hụi ngày 25/10/2019 âm lịch; Giao tiền ngày 01/11/2019 âm lịch; Số tiền giao 25.350.000 đồng. Biên nhận giao chung 02 phần (01 phần của dây 29 phần và 01 phần của dây 30 phần). Tổng số tiền của biên nhận này 51.500.000 đồng. Ký hiệu ghi số 28.

- Giao lần 3: Mở hụi ngày 25/01/2020 âm lịch; Giao tiền ngày 01/02/2020 âm lịch; Số tiền giao 25.950.000 đồng. Biên nhận giao chung 02 phần (01 phần của dây 29 phần và 01 phần của dây 30 phần). Tổng số tiền của biên nhận này 52.700.000 đồng. Ký hiệu ghi số 31.

Dây 3: 30 phần

Giao lần 1: Mở hụi ngày 25/10/2019 âm lịch; Giao tiền ngày 01/11/2019 âm lịch; Số tiền giao 26.150.000 đồng. Biên nhận giao chung 02 phần (01 phần của dây 29 phần và 01 phần của dây 30 phần). Tổng số tiền của biên nhận này 51.500.000 đồng. Ký hiệu ghi số 28.

- Giao lần 2: Mở hụi ngày 25/01/2020 âm lịch; Giao tiền ngày 01/02/2020 âm lịch; Số tiền giao 26.750.000 đồng. Biên nhận giao chung 02 phần (01 phần của dây 29 phần và 01 phần của dây 30 phần). Tổng số tiền của biên nhận này 52.700.000 đồng. Ký hiệu ghi số 31.

- Giao lần 3: Mở hụi ngày 25/3/2020 âm lịch; Giao tiền ngày 30/3/2020 âm lịch; Số tiền giao 27.150.000 đồng. Biên nhận ký hiệu ghi số 35.

- Giao lần 4: Mở hụi ngày 25/4/2020 âm lịch; Giao tiền ngày 30/4/2020 âm lịch; Số tiền giao 27.350.000 đồng. Biên nhận ký hiệu ghi số 36.

Dây hụi 29 phần, bà L tham gia 02 phần nhưng bà đã giao 03 phần, dư ra 01 phần ở lần giao hụi thứ 3 số tiền 25.950.000 đồng, cộng với 1.200.000 đồng lần hốt này không đóng; Dây 30 phần bà L tham gia 03 phần, nhưng bà đã giao 04 phần, giao dư lần 4 số tiền 27.350.000 đồng, cộng với 1.000.000 đồng lần hốt này không đóng. Tổng cộng số tiền giao nhầm 55.500.000 đồng. Bảy lần giao

hụi trên được ghi trong 05 biên nhận ở sổ bà giữ để theo dõi, bà L đều có ký tên và viết họ tên các biên nhận này. Ngày 19/9/2020 (ngày 03/8/2020 âm lịch) bà đã phát hiện giao nhầm tiền hụi cho bà L, bà có đến thương lượng để bà L trả lại số tiền này thì bà L nói để xem lại. Tuy nhiên sau đó bà L né tránh, dù trước đó bà L hẹn 1 đến 2 tuần sẽ trả. Ngày 07/10/2020 (ngày 21/8/2020 âm lịch) thì bà L từ chối nói là chỉ ký tên vào giấy chứ không nhận số tiền giao nhầm. Nay bà yêu cầu bà L trả cho bà số tiền mà bà giao nhầm là 55.500.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà xác nhận có tham gia các dây hụi như bà T trình bày. Việc bà tham gia hụi, gia đình bà hoàn toàn không biết. Dây hụi 29 phần bà tham gia 02 phần, đã hốt hết 02 phần vào các kỳ nào bà không nhớ, mỗi lần hốt chủ hụi đều có giao giấy biên nhận và bà có ký tên vào sổ theo dõi của chủ hụi. Hụi hốt ngày 25/10/2019 giao tiền ngày 01/11/2019 (âm lịch) mà bà T trình bày lần này giao chung tờ biên nhận của dây 30 phần, số tiền tổng cộng 51.500.000 đồng bà hoàn toàn không có nhận số tiền này, do bà không biết chữ nên bà T kêu bà ký tên chỗ nào thì bà ký chỗ đó; Dây hụi 30 phần bà có tham gia 03 phần bà đã hốt hết, bà cũng không có nhận số tiền mà bà T giao nhầm. Các biên nhận bà T nộp cho Tòa án, bà xác nhận có ký tên và viết họ tên. Do bà không biết chữ, mắt không thấy nên bà T kêu bà ký tên vào chỗ nào thì bà ký tên vào chỗ đó vì tin tưởng.

Người làm chứng Mai Thị Ngọc D, Huỳnh Thị Thúy V, Phạm Thị D trình bày:

Các bà đều là hụi viên của hai dây hụi do bà T làm chủ hụi và bà L là hụi viên. Các bà trình bày thống nhất cách thức chơi hụi. Khi hụi viên hốt hụi thì chủ hụi là bà T đều có làm giấy giao hụi, hụi viên kiểm tra nhận đủ tiền rồi ký tên vào sổ theo dõi của chủ hụi. Lúc mở hụi có thỏa thuận mức giá thấp nhất khi không có người bỏ hụi là 200.000 đồng. Các dây hụi này, đa số các hụi viên đều muốn giữ lại không muốn hốt. Nên có khi chủ hụi phải đi năn nỉ tìm người hốt nếu không có người hốt thì chủ hụi phải giữ lại số tiền các hụi viên đã đóng và phải chịu lỗ. Việc giao nhầm hụi giữa bà T và bà L thì các bà không biết. Vì mỗi lần giao hụi chỉ có người hốt hụi và chủ hụi gặp mặt giao nhận tiền, không có hụi viên khác chứng kiến. Hai dây hụi hiện đã mãn, mỗi lần hốt chủ hụi đều giao hụi đầy đủ. Theo nhìn nhận khách quan, các bà cho rằng có nhận tiền mới ký tên, bà T làm chủ hụi có sổ sách rõ ràng.

Tại Bản án sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Tiền Giang căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17,

Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm b khoản 1, 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền 55.300.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng thời gian chậm trả.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/5/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 45/2021/DS-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm để bà không phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 55.500.000 đồng cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả 55.500.000 đồng tiền hụi giao nhầm.

- Người kháng cáo bà Nguyễn Thị L tiếp tục giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 45/2021/DS-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Tiền Giang theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, án sơ thẩm xử buộc bà L trả lại tiền nhận nhầm là có căn cứ. Tuy nhiên số tiền bà L phải trả lại cho bà T không chính xác, ít hơn cấp sơ thẩm đã quyết định. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 45/2021/DS-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả tiền nợ hụi giao nhầm và tiền hụi đóng chưa đủ nhưng bản án sơ thẩm chỉ xác định có một quan hệ pháp luật là tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" là thiếu sót quan hệ tranh chấp "Đòi lại tài sản" nên cần bổ sung cho đầy đủ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị T với bị đơn bà Nguyễn Thị L là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét giải quyết. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Theo hồ sơ vụ án, bà L tham gia chơi hụi do bà T làm chủ thảo tất cả 05 phần hụi tháng 1.000.000 đồng, trong 02 dây hụi mở cùng ngày 25/6/2018 âm lịch. Cụ thể: Dây 29 phần bà L tham gia 02 phần; Dây 30 phần bà L tham gia 03 phần. Theo danh sách hụi do nguyên đơn cung cấp thể hiện quá trình chơi hụi bà L hốt lần đầu tiên vào kỳ thứ 16 một phần của dây 29 phần; hốt lần thứ hai vào kỳ thứ 20, hốt 02 phần (phần còn lại của dây 29 phần và một phần của dây 30 phần); hốt lần thứ ba vào kỳ thứ 22, một phần của dây 30 phần; hốt lần thứ 4 vào kỳ thứ 23, phần còn lại của dây 30 phần (BL 104, 105). Các dây hụi bà L hốt đều có lời cố định là 200.000 đồng.

- Xét bà L hốt lần đầu vào kỳ thứ 16, thuộc dây hụi có 29 phần trừ đi phần người đang hốt thì còn lại 28 phần. Hốt vào kỳ thứ 16 nên đã có 15 phần chết thành tiền 15.000.000 đồng. Còn lại 13 phần sống (28 phần – 15 phần), mỗi phần sống phải đóng 800.000 đồng (hụi 1.000.000 đồng – 200.000 đồng lời) thành tiền là 10.400.000 đồng (800.000 đồng x 13 phần). Tổng cộng là 25.400.000 đồng. Trừ đầu thảo 250.000 đồng nên bà L còn thực nhận là 25.150.000 đồng. Do bà L tham gia tất cả 5 phần, hốt một phần nên còn lại 04 phần sống. Do đó bà L phải đóng lại cho chủ hụi là 3.200.000 đồng (800.000 đồng x 4 phần). Toàn bộ các thông tin trên đều được thể hiện trong biên nhận giao hụi ngày 01/10/2019 âm lịch (BL 12). Phù hợp từ thời gian giao hụi (hốt kỳ thứ 16 nhằm vào 25/9 âm lịch, ngày giao hụi là 01/10/2019 âm lịch), về số tiền

bà L được giao là 25.150.000 đồng và phù hợp ở góc dưới bên trái biên nhận có ghi chú số tiền hụi bà L phải đóng lại cho bà T là 4 phần sống đóng 3.200.000 đồng.

- Tương tự cách tính hụi cụ thể như trên, xác định bà L hốt các phần tiếp theo như sau:

+ Lần hốt thứ 2 bà L hốt vào kỳ thứ 20, hốt hai phần (phần còn lại của dây có 29 phần và một phần của dây có 30 phần). Lần hốt hụi này phù hợp với biên nhận giao hụi ngày 01/02/2020 âm lịch về thời gian giao hụi (hốt kỳ thứ 20 nhằm vào 25/01/2020 âm lịch, ngày giao hụi là 01/02/2020), về số tiền bà L được giao là 52.700.000 đồng và phù hợp ở góc dưới bên trái biên nhận có ghi chú số tiền hụi phải đóng lại là 02 phần sống cộng 01 phần chết đóng hụi là 2.600.000 âm lịch (BL 10).

+ Lần hốt thứ 3 bà L hốt vào kỳ thứ 22, hốt một phần của dây có 30 phần. Lần hốt hụi này phù hợp với biên nhận giao hụi ngày 30/3/2020 âm lịch, về thời gian giao hụi (hốt kỳ thứ 20 nhằm vào 25/03/2020 âm lịch ngày giao hụi là 30/3/2020 âm lịch), về số tiền bà L được giao là 27.150.000 đồng và phù hợp ở góc dưới bên trái biên nhận có ghi chú số tiền hụi phải đóng lại là 01 phần sống cộng 03 phần chết đóng hụi là 3.800.000 đồng (BL 09).

+ Lần hốt thứ 4 bà L hốt vào kỳ thứ 23, hốt phần còn lại của dây có 30 phần. Lần hốt hụi này phù hợp với biên nhận giao hụi ngày 30/4/2020 âm lịch, về thời gian giao hụi (hốt kỳ thứ 23 nhằm vào 25/04/2020 âm lịch ngày giao hụi là 30/4/2020 âm lịch), về số tiền bà L được giao là 27.350.000 đồng và phù hợp ở góc dưới bên trái biên nhận có ghi chú số tiền hụi phải đóng lại là 04 phần chết đóng hụi là 4.000.000 đồng (BL 08).

Như vậy bà L tham gia 05 phần và đã hốt đủ 05 phần trong 04 lần hốt hụi (trong đó lần hốt thứ 02 hốt cùng lúc 02 phần). Khi giao nhận hụi các bên đều có làm biên nhận cụ thể. Bà L hốt 04 lần tương ứng 04 biên nhận nợ. Tuy nhiên trên thực tế bà L lại nhận tiền và ký biên nhận cho bà T đến 05 lần, dư một biên nhận giao hụi vào ngày 01/11/2019 âm lịch đối với số tiền được giao là **51.500.000 đồng**. Kiểm tra đối chiếu danh sách hụi thì vào thời gian này bà L không hề có hốt hụi nhưng vẫn được giao. Như vậy bà L đã nhận dư số tiền ở biên nhận này do bà T giao nhầm. Thời gian này thực tế bà L chỉ mới hốt 01 phần nên lẽ ra số tiền hụi bà phải đóng cho bà T kỳ này là 04 phần hụi sống và 01 phần hụi chết là 4.200.000 đồng {(4 phần x 800.000 đồng) + (1.000.000 đồng x 1 phần)}. Tuy nhiên, do nhầm lẫn bà L hốt kỳ này 02 phần, nên tại phía dưới góc trái của biên nhận ngày 01/11/2019 âm lịch thể hiện bà L chỉ đóng cho bà T 02 phần sống và 01 phần chết là 2.600.000 đồng, nên bà L còn đóng tiền hụi

thiếu cho bà T là 1.600.000 đồng (4.200.000 đồng – 2.600.000 đồng). Như vậy, bà L còn phải trả cho bà T 53.100.000 đồng (51.500.000 đồng + 1.600.000 đồng) mới chính xác.

- Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn có cung cấp 05 tờ biên nhận trong đó có nội dung thể hiện chi tiết số phần hụi bà L đã hốt của từng lần hốt hụi và số tiền được giao nhận sau khi trừ hoa hồng cho chủ thảo. Phía bà L đều thừa nhận các chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Thị L là của bà. Tuy nhiên, bà cho rằng số tiền nhận được thực tế có lần ít hơn số tiền ghi trên biên nhận nhưng không có chứng cứ chứng minh và trái lẽ thường nên không có cơ sở để tin nên bác.

Từ các căn cứ trên cho thấy yêu cầu của bà T là có căn cứ. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T là đúng pháp luật. Tuy nhiên xác định số tiền giao nhầm là chưa chính xác nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do án sơ thẩm bị sửa theo hướng có lợi cho bà L (trả lại tiền ít hơn) nên yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ một phần nên chấp nhận.

[4] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do án sơ thẩm bị cải sửa nên bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/002/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ điểm b khoản 1, 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 45/2021/DS-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Tiền Giang.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền 53.100.000 đồng (Năm mươi ba triệu một trăm ngàn đồng). Thời hạn sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí phúc thẩm nhưng phải chịu 2.655.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005724 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, bà L còn phải nộp tiếp 2.355.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vân